

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Hướng dẫn du lịch

Đợt thi: Tháng 03/2026

Môn thi: Thực hành

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	001	Trịnh Việt	Hưng	CĐHD17N06	6.0	Sáu không	
2	002	Nguyễn Đình	Thiện	CĐHD17N07	6.0	Sáu không	
3	003	Nguyễn Ngọc	Vũ	CĐHD18N01	5.5	Năm năm	
4	004	Lê Văn Trường	An	CĐHD18N03	5.5	Năm năm	
5	005	Tô Trung	Đức	CĐHD18N03	5.5	Năm năm	
6	006	Huỳnh Phan Phúc	Trí	CĐHD18N03	6.0	Sáu không	
7	007	Nguyễn Thành	Chiến	CĐHD18N05	5.0	Năm không	
8	008	Đặng Phạm Hoàng	Nhân	CĐHD18N05	0.0	Không không	
9	009	Nguyễn Văn Công	Hậu	CĐHD18N07	5.0	Năm không	
10	010	Lý Đăng	Khoa	CĐHD18N08	6.0	Sáu không	
11	011	Đào Thị Thùy	Linh	CĐHD18N08	5.0	Năm không	
12	012	Nguyễn Khánh	Duy	CĐHD18N10	6.0	Sáu không	
13	013	Phan Thị Tuyết	Nhi	CĐHD18N11	5.0	Năm không	
14	014	Nguyễn Thị Thúy	Hoa	CĐHD18N12	5.0	Năm không	
15	015	Đào Quang	Huy	CĐHD19N01	4.0	Bốn không	
16	016	Đinh Thị	Kiều	CĐHD19N01	8.0	Tám không	
17	017	Trần Quốc	Long	CĐHD19N01	6.0	Sáu không	
18	018	Lê Thị Kim	Ngân	CĐHD19N01	4.0	Bốn không	
19	019	Nguyễn Thị	Nhung	CĐHD19N01	5.0	Năm không	
20	020	Trần Duy	Phương	CĐHD19N01	7.0	Bảy không	
21	021	Cù Nguyễn Ngọc	Quý	CĐHD19N01	5.5	Năm năm	
22	022	Đoàn Anh	Quý	CĐHD19N01	5.0	Năm không	

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
23	023	Bùi Hà Chí	Tâm	CĐHD19N01	6.0	Sáu không	
24	024	Phan Nguyễn Anh	Thư	CĐHD19N01	6.0	Sáu không	
25	025	Phan Nguyễn Anh	Thy	CĐHD19N01	5.0	Năm không	
26	026	Lý Bảo	Trân	CĐHD19N01	7.0	Bảy không	
27	027	Chung Thị	Vân	CĐHD19N01	6.5	Sáu năm	
28	028	Cao Thị Mỹ	Dung	CĐHD19N02	6.0	Sáu không	
29	029	Huỳnh Thị Thu	Hiền	CĐHD19N02	4.0	Bốn không	
30	030	Nguyễn Văn Thành	Hiếu	CĐHD19N02	3.5	Ba năm	
31	031	Phan Thị Mỹ	Huyền	CĐHD19N02	5.0	Năm không	
32	032	Võ Đoàn Minh	Khôi	CĐHD19N02	7.0	Bảy không	
33	033	Phạm Quốc Cẩm	Ly	CĐHD19N02	4.0	Bốn không	
34	034	Huỳnh Thị Thu	Mến	CĐHD19N02	4.0	Bốn không	
35	035	Nguyễn Trọng	Nhật	CĐHD19N02	6.0	Sáu không	
36	036	Lê Hoàng	Phát	CĐHD19N02	6.0	Sáu không	
37	037	Đặng Nguyễn Minh	Phước	CĐHD19N02	3.0	Ba không	
38	038	Ngô Văn	Tây	CĐHD19N02	7.0	Bảy không	
39	039	Tất Gia	Vy	CĐHD19N02	5.0	Năm không	
40	040	Bùi Khánh	Băng	CĐHD19N03	3.0	Ba không	
41	041	Nguyễn Trọng	Hiếu	CĐHD19N03	6.0	Sáu không	
42	042	Võ Văn	Hiếu	CĐHD19N03	6.0	Sáu không	
43	043	Nèang Sây	La	CĐHD19N03	4.0	Bốn không	
44	044	Hồ Huỳnh Trúc	Linh	CĐHD19N03	7.5	Bảy năm	
45	045	Nguyễn Thị Thu	Ngân	CĐHD19N03	7.0	Bảy không	
46	046	Lê Ánh	Ngọc	CĐHD19N03	8.5	Tám năm	
47	047	Mao Thị Kim	Ngọc	CĐHD19N03	6.5	Sáu năm	
48	048	Lê	NiL	CĐHD19N03	6.0	Sáu không	
49	049	Lê Thị Kiều	Oanh	CĐHD19N03	7.5	Bảy năm	

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
50	050	Nguyễn Thị Diễm	Phúc	CĐHD19N03	5.5	Năm năm	
51	051	Phạm Thanh	Thảo	CĐHD19N03	6.0	Sáu không	
52	052	Lâm Thanh	Tiền	CĐHD19N03	6.5	Sáu năm	
53	053	Nguyễn Thanh	Toàn	CĐHD19N03	5.5	Năm năm	
54	054	Nguyễn Nhã	Trân	CĐHD19N03	5.5	Năm năm	
55	055	Bùi Tuấn	Trung	CĐHD19N03	3.0	Ba không	
56	056	Trần Thị Như	Ý	CĐHD19N03	6.0	Sáu không	
57	057	Trương Tuấn	Cảnh	CĐHD19N04	4.0	Bốn không	
58	058	Nguyễn Trung	Hậu	CĐHD19N04	7.5	Bảy năm	
59	059	Phan Tuấn	Kiệt	CĐHD19N04	6.5	Sáu năm	
60	060	Nguyễn Quốc Bảo	Lâm	CĐHD19N04	3.0	Ba không	
61	061	Huỳnh Quang	Linh	CĐHD19N04	8.5	Tám năm	
62	062	Thái Văn	Long	CĐHD19N04	6.5	Sáu năm	
63	063	Trần Hải	Long	CĐHD19N04	7.5	Bảy năm	
64	064	Trần Thị Kiều	Mi	CĐHD19N04	7.0	Bảy không	
65	065	Phạm Trần Uyên	Mỹ	CĐHD19N04	4.0	Bốn không	
66	066	Trương Thanh	Phong	CĐHD19N04	4.0	Bốn không	
67	067	Lê Hữu	Thiện	CĐHD19N04	4.0	Bốn không	
68	068	Nguyễn Thị Bích	Tiên	CĐHD19N04	5.0	Năm không	
69	069	Nguyễn Hoài Yên	Vy	CĐHD19N04	5.5	Năm năm	
70	070	Nguyễn Thị Thùy	Dương	CĐHD19N05	7.0	Bảy không	
71	071	Võ Hoàng	Minh	CĐHD19N05	6.5	Sáu năm	
72	072	Bùi Thị Hoài	Như	CĐHD19N05	6.5	Sáu năm	
73	073	Trần Minh	Phương	CĐHD19N05	5.0	Năm không	
74	074	Nguyễn Thành	Quy	CĐHD19N05	4.0	Bốn không	
75	075	Võ Minh	Thịnh	CĐHD19N05	7.0	Bảy không	
76	076	Ngô Thiên	Vĩ	CĐHD19N05	6.0	Sáu không	

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
77	077	Hồ Hằng Thu	Ngân	CĐHD19N06	6.0	Sáu không	
78	078	Võ Việt	Thắng	CĐHD19N06	6.5	Sáu năm	
79	079	Đỗ Đức	Bảo	CĐHD19N07	6.0	Sáu không	
80	080	Nguyễn Vũ Thành	Đạt	CĐHD19N07	5.5	Năm năm	
81	081	Nguyễn Viêt Vân	Giang	CĐHD19N07	5.0	Năm không	
82	082	Nguyễn Lê Thành	Long	CĐHD19N07	7.0	Bảy không	
83	083	Nguyễn Hoài	Phong	CĐHD19N07	5.5	Năm năm	
84	084	Nguyễn Thị Phương	Quyên	CĐHD19N07	5.5	Năm năm	
85	085	Phan Danh	Tài	CĐHD19N07	4.0	Bốn không	
86	086	Trương Hoàng	Tân	CĐHD19N07	5.5	Năm năm	
87	087	Lê Thị Thu	Thảo	CĐHD19N07	5.0	Năm không	
88	088	Krã Jãn K'	Trâm	CĐHD19N07	5.0	Năm không	
89	089	Nguyễn Thanh Yên	Xuân	CĐHD19N07	4.0	Bốn không	
90	090	Nguyễn Quốc	Huy	CĐHD19N08	4.0	Bốn không	
91	091	Nguyễn Văn	Huy	CĐHD19N08	8.0	Tám không	
92	092	Đặng Bá	Nguyên	CĐHD19N08	0.0	Không không	
93	093	Nguyễn Minh	Nhật	CĐHD19N08	5.0	Năm không	
94	094	Lê Văn	Quan	CĐHD19N08	5.0	Năm không	
95	095	Trần Thị Nguyệt	Quê	CĐHD19N08	5.5	Năm năm	
96	096	Trần Đức	Thắng	CĐHD19N08	0.0	Không không	
97	097	Cao Minh Long	Thành	CĐHD19N08	6.0	Sáu không	
98	098	Nguyễn Ngọc	Thiện	CĐHD19N08	6.0	Sáu không	
99	099	Nguyễn Phi	Vũ	CĐHD19N08	6.5	Sáu năm	
100	100	Nguyễn Quang	Sang	CĐHD16N12	6.0	Sáu không	
101	101	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	CĐHD18N01	6.0	Sáu không	
102	102	Thạch Ngọc	Vinh	CĐHD18N01	6.0	Sáu không	
103	103	Nguyễn Huy	Bảo	CĐHD18N03	5.0	Năm không	

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
104	104	Tô Nguyễn Quang	Đại	CĐHD18N04	4.0	Bốn không	
105	105	Nguyễn Thị Huyền	Trang	CĐHD18N06	5.0	Năm không	
106	106	Nguyễn Trần Bảo	Ngân	CĐHD18N10	4.0	Bốn không	
107	107	Nguyễn Thanh	Duy	CĐHD18N11	0.0	Không không	
108	108	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	CĐHD18N11	0.0	Không không	